

20 NĂM NGHIÊN CỨU CHĂN NUÔI PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

TRẦN THẾ THÔNG

Dưới chế độ thực dân phong kiến, nền nông nghiệp nước ta lạc hậu, độc canh, năng suất thấp. Chăn nuôi hoàn toàn phụ thuộc vào trồng trọt. Giống gia súc mang nặng tính chất nguyên thủy chưa được cải tạo, kĩ thuật nuôi dưỡng chưa được áp dụng. Chăn nuôi trâu bò, theo lối chăn thả tự nhiên, chăn nuôi lợn bữa no bữa đói tùy tiện, không theo qui trình kĩ thuật.

Qua 20 năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phương hướng, nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp đã được xác định cụ thể, trong đó phải sớm đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính trong nông nghiệp. Muốn thế, ngành chăn nuôi phải có biện pháp tốt giải quyết hàng loạt vấn đề trên nhiều mặt như giống, thức ăn, chuồng trại, lao động, chống tối dịch để phát triển nhanh đàn lợn bảo đảm 2 lợn trên 1 hecta gieo trồng, phát triển đàn trâu bò, xây dựng nhanh đàn bò sữa, trâu sữa, phát triển gia cầm thành một ngành sản xuất thực phẩm quan trọng. Nghiên cứu khoa học kĩ thuật chăn nuôi nhằm cung cấp nhiều thịt, sữa, trứng cho nhân dân, phân bón cho nông nghiệp, nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu, và giải quyết những mâu thuẫn những khó khăn trong quá trình đưa ngành chăn nuôi từng bước tiến lên thành ngành chính.

Ở miền Bắc, sau hiệp nghị Jonevơ, hòa bình được lập lại, Đảng và Chính phủ đã quan tâm đến công tác khoa học kĩ thuật nông nghiệp. Việc nghiên cứu chăn nuôi đã được chú ý từ đầu, mặc dù lực lượng cán bộ có hạn. Viện Chăn nuôi được thành lập cùng một lúc với Viện Trồng trọt. Công tác nghiên cứu bắt đầu từ công tác điều tra giống gia

súc, điều tra các cây thức ăn, thu thập các giống lợn Ỉ, Móng cái, Mường-khương, các giống bò: Nghệ-an, Thanh-hóa và Lạng-sơn, và bắt đầu đưa phương pháp thụ tinh nhân tạo cho lợn vào miền Bắc nước ta cùng với việc xây dựng cơ sở nghiên cứu.

Năm 1959, Học viện Nông Lâm thành lập (do hai Viện Trồng trọt và Chăn nuôi sát nhập), nhưng do yêu cầu nghiên cứu, năm 1963 lại tách thành Viện khoa học Nông nghiệp (trong đó có ban chăn nuôi) và Trường đại học Nông nghiệp I. Đến năm 1969, Viện Chăn nuôi được thành lập và bắt tay xây dựng cơ sở nghiên cứu để tiến hành các công trình nghiên cứu về giống, thức ăn, kĩ thuật chuồng trại trên các loại gia súc. Cho đến nay, Viện đã có một cơ sở nghiên cứu về lợn và gia cầm, một cơ sở nghiên cứu về trâu, một cơ sở nghiên cứu về ngựa, đang xây dựng cơ sở nghiên cứu về thỏ, và chuẩn bị xây dựng cơ sở nghiên cứu về bò và đồng cỏ.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ tiến hành, cơ sở nghiên cứu về trâu bị đánh tan, cơ sở nghiên cứu về gà và lợn còn hoạt động một ít cơ sở nghiên cứu về ngựa vẫn chưa xây dựng xong. Đi đôi với việc chuẩn bị cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học kĩ thuật chăn nuôi ngày càng được củng cố và lớn mạnh.

Cho đến năm 1975, Viện Chăn nuôi có 88 kĩ sư, 6 cán bộ trên đại học, Viện đã xây dựng được 8 bộ môn nghiên cứu về lợn, bò, gia cầm, thức ăn, đồng cỏ, sinh lí, thụ tinh nhân tạo, di truyền và chọn giống; và các phòng về phân tích thức ăn, men tảo, sinh lí sinh hóa di truyền, thụ tinh nhân tạo cho lợn. Thiết bị của Viện còn thiếu nhiều, mới đủ nghiên cứu

một số vấn đề theo yêu cầu của sản xuất từng bước đi lên.

Nhìn lại chặng đường 20 năm qua, ngành nghiên cứu chăn nuôi đã xác định được rõ ràng các nhiệm vụ nghiên cứu theo đường lối phương châm nghiên cứu khoa học của Đảng, biết kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu phát triển, tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan nghiên cứu và cơ sở sản xuất. Viện đã chọn lọc và áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật nước ngoài vào điều kiện của nước ta.

Những kết quả nghiên cứu có nhiều điểm phục vụ tốt cho sản xuất, cho tổ chức chăn nuôi tập thể và quốc doanh: cải tạo giống, lai kinh tế lợn, gà, chăn nuôi theo qui trình kĩ thuật, đưa dần cơ giới hóa vào chăn nuôi, xây dựng các cơ sở chăn nuôi tập trung qui mô từ thấp lên cao, bước đầu tổ chức hệ thống giống từ trung ương đến huyện.

Thức ăn cho gia súc là một vấn đề lớn, đối với việc phát triển chăn nuôi của nước ta, nó là cơ sở để thâm canh chăn nuôi, tăng số lượng và cải tạo chất lượng còn kém của đàn gia súc. Chăn nuôi ở nước ta trước hết là do thiếu thức ăn, và hoàn toàn dựa vào cây cỏ tự nhiên, hoặc các phụ phẩm của trồng trọt. Trong thời gian ngắn, nghiên cứu khoa học chăn nuôi đã:

— Xác định được giá trị dinh dưỡng của hơn 500 loại thức ăn.

— Xây dựng tiêu chuẩn khẩu phần cho gia súc (lợn, bò sữa, trâu sữa, trâu bò cày kéo) nhằm sử dụng hợp lí thức ăn và nuôi dưỡng phù hợp với sinh lí của chúng.

— Xác định tập đoàn rau xanh để giải quyết thức ăn xanh vào mùa hè, mùa đông cho lợn. Thức ăn xanh hiện chiếm 20% — 30% trong khẩu phần chăn nuôi lợn của nước ta, trong khi đó các nước Tây Âu nuôi lợn không có rau xanh. Trong hoàn cảnh thiếu lương thực, thiếu đạm động vật, thực vật, rau xanh đã là một nguồn thức ăn quan trọng để phát triển chăn nuôi lợn ở nước ta.

— Xác định tập đoàn cỏ hòa thảo và một số cây bộ đậu, để xây dựng đồng cỏ thâm canh, và chăn dắt luân phiên. Chúng ta đã trồng hơn 2000 ha đồng cỏ trên các đồi núi, với giống cỏ Pangola nhập nội. Bên cạnh, chúng ta còn trồng cỏ voi, cỏ Tây Nghệ-an, cỏ Mộc-châu, cỏ lông Para. Cỏ Xtilô thuộc bộ đậu nhập nội thành công và được gieo trồng hàng trăm hecta. Một số tập đoàn cỏ bộ đậu trong nước và ngoài nước đã được nghiên cứu để sử dụng.

— Chúng ta đã tìm và xác định được một số giống men, mốc thích hợp với việc phổ biến

đơn giản để các cơ sở chăn nuôi tập thể có thể tự ủ thức ăn nuôi lợn.

— Chế biến và dự trữ thức ăn cho vụ đông, trong đó phơi khô và ủ tươi các loại cây cỏ và thân cây ngô cho trâu bò được phát triển mạnh ở các nông trường.

— Thay đổi tập quán lâu đời nuôi lợn cho ăn thức ăn chín bằng phương pháp nuôi lợn cho ăn thức ăn sống. Tất cả các loại thức ăn hạt nghiền nhỏ, các loại rau đều cho ăn sống. Chỉ có đồ tương là phải xử lí nhiệt khi cho lợn ăn.

— Đã nghiên cứu và đã xây dựng được những công thức thức ăn hỗn hợp phù hợp với thức ăn của ta cho các tổ chức chăn nuôi tập trung theo lối công nghiệp.

— Các nguồn thức ăn, như bột rượu, bột thịt dưới da, bột nhộng tằm, phốt phát khur fluo, urê đều được nghiên cứu để dùng cho chăn nuôi.

— Nghiên cứu sử dụng cá ruộng, cá hồ, những loại cá sinh sản mạnh như rô phi để làm thức ăn cho lợn, nhất là lợn nái và lợn con.

Việc tổ chức chăn nuôi đàn lợn thịt tập trung qui mô 300 — 500, 1000 — 5000 con, đàn lợn nái 50 — 100 — 200, 400 — 1000 con, là kết quả việc chăn nuôi theo qui trình và tiêu chuẩn, nói lên kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ chăn nuôi theo hướng thâm canh, tập trung và chuyên canh. Nghiên cứu khoa học chăn nuôi thực sự đã bám sát sản xuất, phục vụ đắc lực cho sản xuất, cho việc tổ chức lại sản xuất.

Về giống vật nuôi

Giống gia súc của nước ta là sản phẩm của một nền nông nghiệp lạc hậu trong đó chăn nuôi chỉ là nghề phụ, nó thể hiện ở chỗ lợn thịt, xuất chuồng trọng lượng bình quân 30 — 35 kg/con, trâu bò già, loại thải mới ăn thịt trọng lượng 200 kg (trâu) — 150 kg (bò). Mỗi lợn nái mỗi năm chỉ sản xuất được 6 — 7 lợn con nuôi thịt, và tỉ lệ đẻ của trâu cái 33%, bò cái 40%. Mỗi gà mái đẻ 70 — 80 quả, nặng 38 — 40 g. Rõ ràng các giống vật nuôi của ta: tầm vóc bé, năng suất thấp, và số lượng gia súc còn ít, do một con cái sản xuất, trong một năm chỉ bằng 40 — 50% so với gia súc giống các nước chăn nuôi phát triển, trong khi đó khả năng sản xuất thực sự của đàn gia súc cái có thể nâng cao lên được. Chúng ta chưa có gia súc giống theo hướng chuyên dụng: lợn nạc, bò sữa, trâu sữa, bò thịt, gà thịt, gà trứng, ngỗng lấy gan...

Để xây dựng một ngành chăn nuôi phát triển cho nhiều sản phẩm thịt sữa trứng,

nhệm vụ bức thiết, quan trọng của nghiên cứu khoa học chăn nuôi là phải tạo ra được các giống vật nuôi đáp ứng được yêu cầu của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trên đàn cái nền của gia súc nước ta (trâu nền, bò nền, lợn nền), chúng ta phải tiến hành chọn lọc, để lai tạo ra giống mới và có thể nhập một loại gia súc ngoại nào đó để có thể nhân thuần chủng.

Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chăn nuôi là phải điều tra nghiên cứu đánh giá các đặc điểm gia súc nhiệt đới của nước ta, từ đó mà đề ra phương hướng cải tạo. Kết quả của công tác điều tra cơ bản về các giống lợn, trâu, bò, gà vịt, ngỗng, ngựa, dê đã cho nhiều nhận xét quý báu:

— Về lợn: qua điều tra cơ bản đã phát hiện ở đồng bằng: có lợnỈ pha, lợn Móng-cái và lợn lang, ở miền núi trung du: lợn Mường, lợn Mèo.

— Về bò: có bò lai Xin (Sind) tầm vóc lớn nhất, rồi đến bò Mèo, bò Nghệ-an, Thanh-hóa, bò Cao-bằng; bò Lạng-sơn bé nhất.

— Về trâu: trâu ta là loại trâu cày kéo cùng một giống, tầm vóc không đồng đều. Trâu Lạng-sơn có tầm vóc bé. Một số vùng có trâu to: trâu Thanh-chương (Nghệ-an), trâu Lục-yên (Yên-bái), trâu Mường và Điện-biên (Tây-bắc).

— Về gà: gà ri pha là giống gà kiêm dụng cho trứng và thịt được nuôi phổ biến ở nhiều nơi.

— Về vịt: vịt cổ chạy nhanh, tìm kiếm thức ăn tốt, đẻ khá; vịt bầu bền cho thịt tốt.

— Về dê: dê Sơn-la, dê Hà-tĩnh và dê Nam-hà khá hơn cả, trong đó dê Sơn-la tầm vóc to hơn dê các tỉnh.

— Về ngựa: ngựa tầm vóc bé, song có khả năng thờ khá so với trọng lượng.

Với những đặc điểm trên của các giống vật nuôi ở nước ta, nghiên cứu khoa học chăn nuôi đã tập trung vào một số vấn đề chọn lọc giống thuần, lai tạo giống mới, và lai kinh tế F₁.

Những kết quả về nghiên cứu giống vật nuôi, đã thể hiện sự ứng dụng các thành tựu khoa học của nước ngoài vào nước ta trong điều kiện chăn nuôi nghèo nàn và lạc hậu. Kết quả lớn nhất là việc nhập-nội các giống lợn ngoại; Đại bạch, Beasai, Landrat, đem lai kinh tế với lợn nội tạo ra F₁. Lợn F₁ đã cho trọng lượng xuất chuồng 70—80 kg. Nhiều hợp tác xã đã nuôi lợn lai F₁ và hiện nay có khoảng 12% lợn thịt nhưng đã làm tăng trên 20% tổng sản lượng thịt hằng năm.

Trong 10 năm qua, nghiên cứu chăn nuôi đã thực hiện đề tài gây tạo hai giống lợn

mới, trên cơ sở lợnỈ cho tạp giao với Đại bạch tạo ra lợn Đại bạch—Ỉ, cho tạp giao với Beasai tạo ra lợn Beasai—Ỉ. Giống lợn mới có năng suất cao hơn rõ rệt so với lợnỈ và hiện đã có gần 1000 lợn nái.

Về gà, đã tạo ra gà F₁ ri—ri phục vụ cho chăn nuôi gà tập thể. Gà F₁ có sức đẻ trứng 140 quả/năm, trọng lượng trứng 45g mỗi quả.

Về bò sữa, đã tạo ra bò F₁ tạp giao với bò Hà-lan, với bò lai Xin cho lượng sữa bình quân năm 1900 kg với tỉ lệ mỡ 4%—4,2%. Trọng lượng con cái 350—400 kg gấp đôi bò cái Việt-nam. Việc nhập-nội có kết quả trâu Mura và lai tạo ra đàn trâu F₁ đạt các chỉ tiêu kinh tế kĩ thuật, mở ra triển vọng to lớn cho việc xây dựng đàn trâu sữa Việt-nam.

Việc nhập-nội và nhân thuần có kết quả vịt Bắc-kinh, ngỗng Rénane và một số giống gà cho phép chúng ta nhanh chóng xây dựng ngành chăn nuôi gia cầm theo hướng công nghiệp.

Đi đôi với việc gây tạo giống mới, lai kinh tế F₁, nghiên cứu chăn nuôi đã coi trọng việc nhân giống thuần, chọn lọc đàn gia súc nền. Và một số tiêu chuẩn Nhà nước về giống lợnỈ, lợn Móng-cái đã được xây dựng theo yêu cầu đó.

Về kĩ thuật chăn nuôi

Vấn đề chăn nuôi tập trung đòi hỏi phải áp dụng những kĩ thuật tiên tiến. Tập quán chăn nuôi trâu bò thả rông, chuồng trại lầy lội, tập quán lợn con nhảy lợn mẹ, chuồng lợn ẩm thấp đều không phù hợp với chăn nuôi thâm canh, tập trung và chuyên canh.

Nghiên cứu chăn nuôi đã chọn một số thành tựu của nước ngoài đem nghiên cứu áp dụng vào nước ta, thu được nhiều kết quả:

— Kết quả rõ rệt là phương pháp truyền giống bằng thụ tinh nhân tạo. Sau nhiều năm nghiên cứu, chúng ta đã xác định được liều lượng dẫn tinh, thời điểm dẫn tinh, môi trường pha chế và bảo quản tinh dịch, bảo đảm tinh dịch được bảo tồn trên 36 giờ vẫn thụ thai. Chăn nuôi lợn đã áp dụng và mở rộng phương pháp này. Hiện nay hầu hết các tỉnh miền Bắc đã có trạm thụ tinh nhân tạo, và hằng năm đã phối giống cho gần 20% số lợn nái.

— Kĩ thuật cai sữa sớm lợn nái vào 40—45 ngày tuổi đã được nghiên cứu và mở rộng ra trên nhiều nông trường và hợp tác xã. Với kĩ thuật này, thức ăn cho lợn mẹ, lợn con phải được chú ý cung cấp theo yêu cầu, và khi áp dụng tốt thì lợn nái có thể đẻ một năm 2,2 lứa.

— Kĩ thuật điều chế và sử dụng huyết thanh ngựa chữa đề nâng cao khả năng sinh đẻ cho

trâu, bò, lợn. Áp dụng kĩ thuật này, có thể rút thời gian giữa hai lứa đẻ là 176 — 177 ngày (đối với lợn nái cai sữa 60 ngày) xuống 160 — 164 ngày (đối với lợn nái cai sữa 45 ngày).

— Kĩ thuật xây dựng chuồng trại cho lợn: dựa kết quả điều tra cơ bản các chuồng trại chăn nuôi lợn và các thông số phù hợp với yêu cầu sinh lí cho phép xây dựng chuồng một dãy và chuồng hai dãy.

— Kĩ thuật nuôi bê bú bình: thay thế lượng sữa bằng thức ăn hỗn hợp, để giảm lượng sữa từ 350—400 kg xuống 200—250 kg.

— Kĩ thuật xác định trọng lượng trâu bò bằng thước dây để thay cân, khi không có cân trâu bò.

— Kĩ thuật ấp trứng bằng thóc nóng đã được đúc kết thành qui trình kĩ thuật và Viện đã sáng chế ra tủ ấp trứng bằng thóc nóng để thay thế phương pháp ấp trứng bằng nước nóng, vừa giải quyết được việc ấp trứng trong điều kiện không có điện, hoặc không có máy ấp chạy bằng điện.

Những kết quả nghiên cứu chăn nuôi nói trên đã được áp dụng vào sản xuất để phát triển chăn nuôi lợn, trâu bò sữa, gà vịt. Nhưng còn bị hạn chế vì cơ sở vật chất để áp dụng kĩ thuật mới, không phải đã được giải quyết ngay trong một lúc, nếu khắc phục được những thiếu sót trong việc tổ chức và chỉ đạo áp dụng kết quả nghiên cứu chăn nuôi rộng rãi trong các cơ sở chăn nuôi quốc doanh và tập thể thì sẽ mở ra triển vọng tăng nhanh thịt, sữa, trứng, góp phần tích cực vào việc đưa chăn nuôi lên ngành chính.

Công tác nghiên cứu chăn nuôi phục vụ sản xuất còn có kết quả rõ rệt là đã biết dựa vào các kết quả thí nghiệm nghiên cứu để xây dựng các qui trình, qui phạm (8), các định mức tiêu chuẩn (5).

Trong 20 năm qua, đất nước ta bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, nhưng những thành tích nghiên cứu khoa học kĩ thuật chăn nuôi đã đạt được so với thời gian trước Cách mạng tháng Tám là một bước tiến bộ vượt bậc, có ý nghĩa to lớn. Đánh giá những kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp phục vụ sản xuất đồng chí Lê Duẩn đã nói:

« Qua một thời gian dài nghiên cứu và thực nghiệm, một số vấn đề khoa học kĩ thuật trong trồng trọt chăn nuôi đã kết luận khá cụ thể. Giá trị thực tiễn của những kết luận này chính là ở chỗ nó là sản phẩm của sự vận dụng một số thành tựu của cách mạng khoa học, kĩ thuật, cách mạng xanh vào đồng ruộng Việt-nam, phù hợp với điều kiện khí

hậu, thời tiết đất nước và khả năng lao động, vật tư của ta đang giai đoạn hiện nay... Những kết luận khoa học đó không còn là lí thuyết trừu tượng nữa, mà có thể áp dụng vào trong sản xuất một cách phổ biến, miễn là chúng ta có tổ chức đúng, có chế độ quản lí kĩ thuật chặt chẽ, có kỉ luật sản xuất nghiêm ngặt » (Lê Duẩn, báo Nhân dân ngày 20-10-1974).

Rõ ràng, nghiên cứu khoa học chăn nuôi đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp trong nông nghiệp miền Bắc nước ta. Cách đây 15 năm, chăn nuôi lợn hoàn toàn phân tán, thì nay lợn tập thể với qui mô tập trung bình quân trên 100 con, đã chiếm trên 20% tổng số đàn lợn miền Bắc.

Việc tổ chức chăn nuôi lợn tập thể thành công, đánh dấu một bước tiến bộ quan trọng của chăn nuôi nước ta tiến lên theo hướng thâm canh, chuyên canh tập trung. Nghiên cứu chăn nuôi trong 20 năm qua đã tập trung mọi cố gắng phục vụ cho chăn nuôi lợn tập thể, nghiên cứu chọn giống, kĩ thuật nuôi lợn nái, lợn thịt, thụ tinh nhân tạo, nghiên cứu cây trồng tập đoàn cây thức ăn, nghiên cứu khâu phân phối chuẩn ăn, nuôi dưỡng, nghiên cứu tăng khả năng sinh sản của lợn một cách hợp lí bảo đảm tăng trọng nhanh, đẻ nhiều, tiêu tốn ít thức ăn, nghiên cứu kiểu chuồng thông thoáng, hợp lí, đến việc sắp xếp bố trí lao động, xây dựng thành qui trình chăn nuôi các loại lợn.

Do kết quả nghiên cứu chăn nuôi và áp dụng tiến bộ kĩ thuật vào chăn nuôi lợn, nhập nội giống gia súc, sử dụng lai kinh tế F_1 , nên trọng lượng lợn xuất chuồng cao hơn trước 50 — 60%, thời gian nuôi ngắn hơn, năng suất sinh sản của lợn nái có thể đưa cao hơn hiện nay 0,4 — 0,5 lứa một năm. Tuy nhiên, công tác nghiên cứu khoa học kĩ thuật của ngành chăn nuôi đang trong giai đoạn xây dựng bước đầu. So với yêu cầu to lớn của sự nghiệp phát triển nông nghiệp, đưa chăn nuôi lên ngành chính, sản xuất theo lối công nghiệp, thâm canh, chuyên canh và tập trung, cung cấp nhiều thịt sữa trứng, cải tiến bữa ăn cho nhân dân, thì những thành tựu và tiến bộ nói trên còn rất nhỏ bé, lực lượng cán bộ nghiên cứu khoa học kĩ thuật còn ít, cơ sở nghiên cứu và trang thiết bị còn nghèo, công tác nghiên cứu khoa học kĩ thuật chăn nuôi còn nhiều nhược điểm và thiếu sót.

— Cơ sở vật chất lực lượng và trình độ cán bộ hiện nay chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu và nhiệm vụ được giao.

— Nghiên cứu còn rải mảnh mảnh, chưa tập trung dứt điểm trong một thời gian nhất định để nhanh chóng đưa vào sản xuất.

— Việc đưa các kết quả nghiên cứu vào sản xuất còn quá chậm.

— Các đề tài cấp Nhà nước chưa được chỉ đạo chặt chẽ.

— Tổ chức nghiên cứu khoa học, quản lý nghiên cứu khoa học còn chưa có nền nếp, tác phong nghiên cứu của một số cán bộ còn yếu, phương pháp bố trí thí nghiệm chưa chặt chẽ, do đó một số đề tài nghiên cứu chất lượng thấp.

— Chưa có kế hoạch thực cụ thể để đào tạo cán bộ đầu đàn vừa giỏi về chuyên môn, vừa giỏi về tổ chức nghiên cứu, nắm vững quan điểm và đường lối nghiên cứu khoa học của Đảng, chưa bồi dưỡng một cách hệ thống phương pháp và tác phong nghiên cứu cho cán bộ thực hiện.

— Các vấn đề phục vụ cho trung du miền núi, một số mặt nghiên cứu để phục vụ chăn nuôi lớn xã hội chủ nghĩa theo phương thức công nghiệp, chưa làm được bao nhiêu: như chăn nuôi gà công nghiệp, dự trữ chế biến cỏ và thân cây ngô, nghiên cứu quản lý và chọn lọc giống thuần, tạo giống mới cho các loại giống gia súc...

— Công tác điều tra cơ bản chưa bố trí lực lượng chuyên trách và chưa làm có hệ thống.

— Chưa tổ chức nghiên cứu về kinh tế chăn nuôi.

Nhìn chung, công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi, so với yêu cầu, thì phát triển còn chậm, tác dụng đối với sản xuất còn ít. Tình hình trên đây là do:

1. Đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề, thời gian hòa bình để ngành khoa học có điều kiện phát triển chưa được bao lâu. Đó là một thời gian quá ngắn đối với việc xây dựng ngành khoa học chăn nuôi nhiệt đới mà cơ sở của chế độ thực dân phong kiến để lại không có gì.

2. Ngành chăn nuôi vốn là một ngành phục vụ đáng lẽ phải được sớm chú ý chỉ đạo, nhưng thực ra ngành chăn nuôi bị coi nhẹ, nên công tác nghiên cứu khoa học chăn nuôi chưa được chú ý chỉ đạo đúng mức. Chúng ta chậm xác định một số biện pháp để nhanh chóng xây dựng ngành nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi ở nước ta. Chúng ta chậm vạch ra những yêu cầu và kế hoạch phát triển khoa học kỹ thuật chăn nuôi nhằm tập trung sức lực giải quyết vấn đề trọng yếu nhất, cấp bách nhất cho sản xuất. Trong công tác nghiên cứu khoa học chăn nuôi, thì cơ sở để nghiên cứu về giống gia súc đầu tư quá kém và chậm.

Để đáp ứng yêu cầu tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông nghiệp, nhằm đưa chăn

nuôi thành một ngành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, theo hướng tập trung, chuyên canh thâm canh, phục vụ cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp của cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới của cách mạng, công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật của ngành chăn nuôi trong những năm tới sẽ tập trung vào những nhiệm vụ sau đây:

1. Nghiên cứu điều tra, phát hiện, đánh giá đúng các giống gia súc trong nước, các gia súc đã nhập nội, các cây cỏ, các loại thức ăn, tình hình đồng cỏ dùng cho chăn nuôi. Trên cơ sở điều tra cơ bản, cần nghiên cứu chọn lọc, cải tạo, sử dụng hợp lý các giống gia súc và các loại cây làm thức ăn, sử dụng và cải tạo hợp lý đồng cỏ để phát triển chăn nuôi.

2. Áp dụng những thành tựu mới của sinh học hiện đại, của khoa học về sinh thái môi trường nhằm đưa nhanh tiến bộ di truyền vào việc cải lương các đàn gia súc, vào việc nâng cao sản lượng cây làm thức ăn, đồng cỏ, giải quyết tốt thức ăn nhiều đạm bằng con đường sinh vật (men, mốc), tận dụng được nguồn phế phẩm nông nghiệp, công nghiệp rất phong phú của nước ta, lợi dụng được ưu thế nhiệt đới, vào việc phát triển ngành chăn nuôi gia súc nhiệt đới, nhanh chóng xây dựng được ngành chăn nuôi bò sữa, trâu sữa, và chăn nuôi gà, lợn theo lối công nghiệp.

Cụ thể là phải tập trung vào những vấn đề:

— Tiếp tục đẩy mạnh đề tài lai kinh tế các giống gia súc.

— Tiếp tục các đề tài tạo giống lợn, bò, trâu, ngựa, xây dựng các đề tài tạo giống mới, nghiên cứu phương pháp quản lý và chọn lọc giống thuần, chú ý nghiên cứu lợn thịt, bò thịt, bò sữa, trâu sữa, gia cầm, các giống nhập nội, nuôi theo hướng công nghiệp.

Tiếp tục nghiên cứu dinh dưỡng thức ăn cho lợn, mở rộng diện nghiên cứu thức ăn cho trâu bò, gia cầm và thủy, nghiên cứu thành phần và giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc cho cả nước (xây dựng bảng dinh dưỡng với đầy đủ thành phần, có cả axit amin và vitamin).

— Nghiên cứu vi sinh vật để chế biến các loại thức ăn tinh bột và thức ăn phụ phẩm công nghiệp, để tăng giá trị dinh dưỡng, tăng hiệu quả sử dụng, và tăng nguồn thức ăn cho gia súc. Nghiên cứu chế biến các loại thức ăn kháng sinh, các loại sinh tố, các loại thức ăn bổ sung trong thức ăn hỗn hợp.

— Tiếp tục nghiên cứu các giống cỏ nước, nghiên cứu cải tạo đồng cỏ tự nhiên xây dựng thâm canh, sử dụng hợp

đồng cỏ, và các biện pháp nghiên cứu chế biến dự trữ cỏ và các loại thức ăn khác cho trâu bò ngựa.

— Nghiên cứu cơ cấu cây thức ăn gia súc và còn gia súc cho các vùng nông nghiệp. Nghiên cứu tập đoàn cây thức ăn trồng cận trong vụ đông dùng cho chăn nuôi.

— Nghiên cứu thụ tinh nhân tạo gia súc, đặc biệt chú trọng tinh đông khô cho trâu bò, và những biện pháp chống nân sỏi.

— Nghiên cứu các đặc điểm sinh lí, di truyền của gia súc nhiệt đới.

— Nghiên cứu chuồng trại và cơ giới hóa chăn nuôi.

3. Đưa nhanh tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất làm cho những tiến bộ khoa học kĩ thuật thành tiến bộ kinh tế. Tất cả các công trình nghiên cứu đã kết thúc phải có biện pháp đưa ngay vào sản xuất, và chỉ khi nào trở thành tiến bộ kinh tế, thì mới được sản xuất công nhận là một tiến bộ kĩ thuật có thể mở rộng trong sản xuất.

Để làm nhiệm vụ này, phải xây dựng các điểm thực nghiệm cho từng vùng nông nghiệp khác nhau, từ Bắc đến Nam, Nhà nước cần quan tâm nghiên cứu chính sách để áp dụng các tiến bộ kĩ thuật, xây dựng các qui trình định mức tiên chuẩn mới, phối hợp với các cơ quan chỉ đạo, nhà trường phổ

biến nhanh và rộng các kết quả nghiên cứu; xây dựng công tác thông tin chăn nuôi, mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học kĩ thuật chăn nuôi.

Xây dựng và phát triển khoa học kĩ thuật chăn nuôi nhiệt đới nhằm đưa chăn nuôi của nước ta lên một ngành chính, có tỉ trọng 40 — 45% tổng giá trị sản lượng nông nghiệp, là một nhiệm vụ rất bức thiết, đồng thời cũng có nhiều khó khăn phức tạp.

Muốn hoàn thành được nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang trên đây, những người làm công tác nghiên cứu khoa học chăn nuôi và công tác nghiên cứu sinh vật của cả hai miền Nam — Bắc phải có nhiệt tình lớn, phải biết đoàn kết và hợp tác xã hội chủ nghĩa, phát huy cao độ tinh thần, nghị lực, trí tuệ và tài năng để đạt nhiều thành tựu trên mặt trận nghiên cứu khoa học phục vụ cho ngành chăn nuôi phát triển, nhanh chóng đưa ngành chăn nuôi nước ta đứng vào hàng ngũ của những nước có nền chăn nuôi phát triển tiên tiến trên thế giới. Đồng thời, các cơ quan lãnh đạo Nhà nước phải tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị, đầu tư cán bộ, và có kế hoạch bồi dưỡng đào tạo để nhanh chóng đưa công tác nghiên cứu khoa học kĩ thuật chăn nuôi tiến lên chính qui và hiện đại.

ĐẶT MUA TẠP CHÍ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

Tạp chí HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC do Ủy ban Khoa học và kĩ thuật Nhà nước xuất bản, trong năm 1976 vẫn ra đều kỳ hằng tháng.

Đặt mua dài hạn:

— Tại Hà-nội: Phòng Phát hành báo chí 66 Tràng-tiền, các phòng bưu điện Bạch-mai, Đống-đa.

— Tại các nơi khác trong cả nước: Sở, Ti bưu điện thành phố, tỉnh; bưu điện thị xã, thị trấn huyện.

Mua lẻ: tại Hà-nội và các nơi khác trong cả nước:

— Các chi nhánh bưu điện, các cửa hàng, các quầy hàng sách báo v.v...

Trong việc đặt mua tạp chí HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC có gì trở ngại, đề nghị bạn đọc cho Tòa soạn biết, theo địa chỉ:

Tạp chí HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC
39 Trần Hưng Đạo — Hà - nội